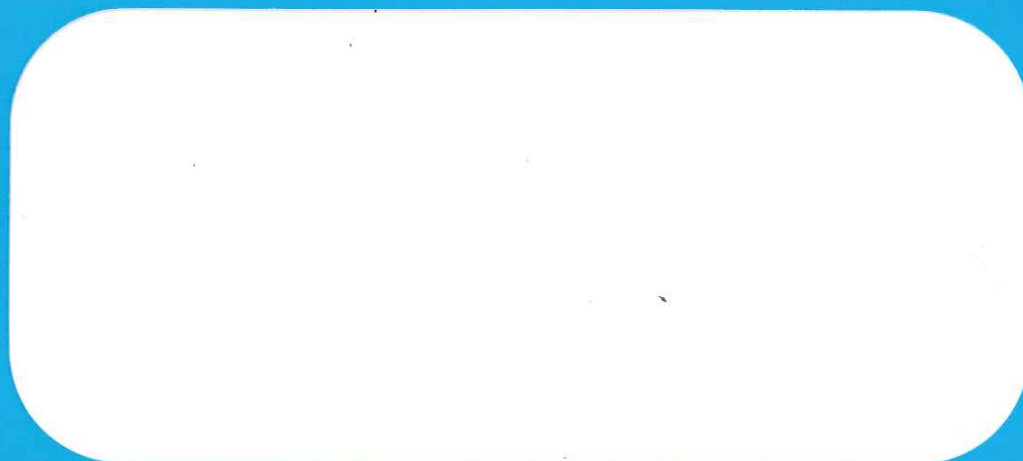


Viet Australia<sup>o</sup>



---

VIET AUSTRALIA AUDITING LTD (VAAL)  
CÔNG TY KIỂM TOÁN VIỆT ÚC

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Được kiểm toán bởi:  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC ("VAAL")**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

| <b>NỘI DUNG</b>                         | <b>Trang</b> |
|---|--------------|
| 1. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC                 | 01 - 01      |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 02 - 03      |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN                 | 04 - 05      |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 06 - 06      |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ           | 07 - 07      |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH        | 08 - 17      |

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích Quận 12 (chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ và Phát triển đô thị Quận 12) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 5 vào ngày 24 tháng 05 năm 2018.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích Quận 12 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### Hội đồng thành viên

Ông Vũ Anh Đức

Ông Lê Tấn Tài

Bà Lê Thanh Thủy

#### Chức vụ

Chủ tịch hội đồng thành viên

Thành viên

Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Tấn Tài

Ông Bùi Thế Kiệt

Ông Nguyễn Văn Nho

#### Chức vụ

Giám đốc

Phó Giám đốc

Phó Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Tấn Tài

#### Chức vụ

Giám đốc

#### Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc

#### Công bố trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc nhận định rằng không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính của Công ty của năm tài chính hiện hành.

#### Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 04 đến trang 17, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Tấn Tài

Giám đốc

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC**

**Lầu 21, Tòa nhà Sài Gòn Centre 2, 67 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**

**Tel: (84-8) 3925 1360 Fax: (84-8) 3925 1359**

Số: 19032801044

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích Quận 12 ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2019, từ trang 04 đến trang 17, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng thành viên xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng thành viên cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được Công ty ghi nhận với số tiền 15.667.638.309 đồng, trong đó chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 15.368.365.970 đồng. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận đầy đủ thư xác nhận với số tiền là 13.698.333.434 đồng trong khoản phải trả người bán được Công ty ghi nhận với số tiền là 16.289.887.438 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Chúng tôi không thể xác minh các số liệu này bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Theo thông báo kết quả đóng bảo hiểm của Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty còn nợ tiền bảo hiểm bắt buộc là 1.861.758.067 đồng bao gồm tiền lãi là 520.388.930 đồng. Nếu số tiền này được ghi nhận thì sẽ làm chi phí tăng 884.914.217 đồng và làm giảm lợi nhuận một khoản tương ứng trong kết quả kinh doanh năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Mẫu số B01-DN***(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)*

| <i>Đơn vị tính: VND</i>                   |              |                    |                       |                        |
|---|--------------|--------------------|-----------------------|------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                            | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>Cuối năm</b>       | <b>Đầu năm</b>         |
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b>   |                    | <b>73.516.210.128</b> | <b>102.220.054.537</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b>   | <b>V.1</b>         | <b>4.255.541.249</b>  | <b>1.748.474.505</b>   |
| Tiền                                      | 111          |                    | 4.255.541.249         | 1.253.474.505          |
| Các khoản tương đương tiền                | 112          |                    | -                     | 495.000.000            |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>          | <b>120</b>   |                    | <b>-</b>              | <b>-</b>               |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b>   |                    | <b>53.582.155.070</b> | <b>85.857.162.712</b>  |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131          | V.2                | 16.366.398.277        | 33.022.262.439         |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132          |                    | 744.277.400           | 1.143.277.400          |
| Phải thu ngắn hạn khác                    | 136          | V.3a               | 36.471.479.393        | 51.691.622.873         |
| <b>Hàng tồn kho</b>                       | <b>140</b>   | <b>V.4</b>         | <b>15.667.638.309</b> | <b>14.605.312.835</b>  |
| Hàng tồn kho                              | 141          |                    | 15.667.638.309        | 14.605.312.835         |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b>   |                    | <b>10.875.500</b>     | <b>9.104.485</b>       |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153          | V.6                | 10.875.500            | 9.104.485              |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b>   |                    | <b>9.067.602.879</b>  | <b>9.450.592.596</b>   |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b>   |                    | <b>2.959.270.454</b>  | <b>858.432.000</b>     |
| Phải thu dài hạn khác                     | 216          | V.3b               | 4.208.145.480         | 858.432.000            |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi         | 219          |                    | (1.248.875.026)       | -                      |
| <b>Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b>   |                    | <b>5.639.000.246</b>  | <b>8.592.160.596</b>   |
| Tài sản cố định hữu hình                  | 221          | V.5                | 5.639.000.246         | 8.592.160.596          |
| Nguyên giá                                | 222          |                    | 30.265.848.968        | 30.265.848.968         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                    | 223          |                    | (24.626.848.722)      | (21.673.688.372)       |
| <b>Bất động sản đầu tư</b>                | <b>230</b>   |                    | <b>-</b>              | <b>-</b>               |
| Nguyên giá                                | 231          |                    | 28.654.195            | 28.654.195             |
| Giá trị hao mòn lũy kế                    | 232          |                    | (28.654.195)          | (28.654.195)           |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>            | <b>240</b>   |                    | <b>-</b>              | <b>-</b>               |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b>   |                    | <b>-</b>              | <b>-</b>               |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>               | <b>260</b>   |                    | <b>469.332.179</b>    | <b>-</b>               |
| Chi phí trả trước dài hạn                 | 261          |                    | 469.332.179           | -                      |
| <b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>         | <b>270</b>   |                    | <b>82.583.813.007</b> | <b>111.670.647.133</b> |

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                            | Mã số      | Thuyết minh | Cuối năm              | Đầu năm                |
|--------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                   | <b>300</b> |             | <b>72.248.593.982</b> | <b>97.228.878.544</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                   | <b>310</b> |             | <b>72.196.593.982</b> | <b>94.071.878.544</b>  |
| Phải trả người bán ngắn hạn          | 311        | V.7         | 16.289.887.438        | 11.631.182.039         |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn    | 312        |             | 129.196.500           | 123.549.000            |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước  | 313        | V6          | 3.462.402.390         | 7.200.799.703          |
| Phải trả người lao động              | 314        |             | 6.229.954.145         | 5.457.578.451          |
| Phải trả ngắn hạn khác               | 319        | V.8         | 43.850.330.023        | 55.409.705.157         |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn    | 320        | V.9         | 1.388.000.000         | 13.154.826.708         |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi            | 322        | V.10b       | 846.823.486           | 1.094.237.486          |
| <b>Nợ dài hạn</b>                    | <b>330</b> |             | <b>52.000.000</b>     | <b>3.157.000.000</b>   |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn     | 338        | V.9b        | -                     | 3.105.000.000          |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343        |             | 52.000.000            | 52.000.000             |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                | <b>400</b> |             | <b>10.335.219.025</b> | <b>14.441.768.589</b>  |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                | <b>410</b> | <b>V.11</b> | <b>10.335.219.025</b> | <b>14.441.768.589</b>  |
| Vốn góp của chủ sở hữu               | 411        |             | 11.233.000.000        | 11.233.000.000         |
| Quỹ đầu tư phát triển                | 418        |             | 3.208.768.589         | 3.208.768.589          |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối    | 421        |             | (4.106.549.564)       | -                      |
| LNST chưa phân phối kỳ này           | 421b       |             | (4.106.549.564)       | -                      |
| <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>    | <b>430</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>               |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>  | <b>440</b> |             | <b>82.583.813.007</b> | <b>111.670.647.133</b> |

Ngày 28 tháng 3 năm 2019





Người lập biểu

Diệp Thế Vinh  
Kế toán trưởngLê Tấn Tài  
Giám đốc



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước             |
|--|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                           | <b>01</b> | <b>VI.1</b> | <b>34.746.975.326</b>  | <b>67.164.950.267</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu  | 02        | VI.2        | -                      | 288.358.250           |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>       | <b>10</b> |             | <b>34.746.975.326</b>  | <b>66.876.592.017</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán  | 11        | VI.3        | 31.748.365.696         | 52.880.256.276        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>         | <b>20</b> |             | <b>2.998.609.630</b>   | <b>13.996.335.741</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính   | 21        | VI.4        | 15.637.471             | 109.097.473           |
| 7. Chi phí tài chính   | 22        | VI.5        | 1.117.380.707          | 1.450.922.639         |
| - Trong đó : Chi phí lãi vay   | 23        |             | -                      | 1.450.922.639         |
| 8. Chi phí bán hàng  | 25        |             | -                      | -                     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26        | VI.6        | 6.021.117.339          | 10.971.426.217        |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b> | <b>30</b> |             | <b>(4.124.250.945)</b> | <b>1.683.084.358</b>  |
| 11. Thu nhập khác  | 31        |             | 41.500.270             | 57.633.474            |
| 12. Chi phí khác   | 32        |             | 23.798.889             | 77.528.338            |
| <b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>                                       | <b>40</b> |             | <b>17.701.381</b>      | <b>(19.894.864)</b>   |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                    | <b>50</b> |             | <b>(4.106.549.564)</b> | <b>1.663.189.494</b>  |
| 15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành  | 51        | VI.7        | -                      | 347.601.819           |
| 16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại   | 52        |             | -                      | -                     |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>          | <b>60</b> |             | <b>(4.106.549.564)</b> | <b>1.315.587.675</b>  |

Ngày 28 tháng 3 năm 2019



Người lập biểu


Diệp Thế Vinh  
Kế toán trưởng

Lê Tấn Tài  
Giám đốc

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Mẫu số B03-DN

*(Theo phương pháp trực tiếp)**(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước               |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>             |           |             |                         |                         |
| - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác     | 01        |             | 54.883.184.511          | 83.915.744.572          |
| - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ          | 02        |             | (11.080.415.408)        | (21.489.529.836)        |
| - Tiền chi trả cho người lao động                              | 03        |             | (7.679.140.668)         | (20.576.368.828)        |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 04        |             | (1.019.390.680)         | (1.453.647.590)         |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                            | 05        |             | (347.601.819)           | (1.327.537.989)         |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                        | 06        |             | 22.142.267.093          | 29.483.042.031          |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                        | 07        |             | (37.918.059.169)        | (51.694.394.524)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>           | <b>20</b> |             | <b>18.980.843.860</b>   | <b>16.857.307.836</b>   |
| <b>II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                |           |             |                         |                         |
| - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác         | 23        |             | -                       | (489.000.000)           |
| - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24        |             | -                       | 3.589.000.000           |
| - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia          | 27        |             | 15.637.471              | 109.097.473             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>               | <b>30</b> |             | <b>15.637.471</b>       | <b>3.209.097.473</b>    |
| <b>III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>            |           |             |                         |                         |
| - Tiền thu từ đi vay   | 33        |             | 8.939.625.500           | 18.045.279.000          |
| - Tiền trả nợ gốc vay  | 34        |             | (25.429.040.087)        | (36.633.001.598)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>            | <b>40</b> |             | <b>(16.489.414.587)</b> | <b>(18.587.722.598)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>            | <b>50</b> |             | <b>2.507.066.744</b>    | <b>1.478.682.711</b>    |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                         | <b>60</b> |             | <b>1.748.474.505</b>    | <b>269.791.794</b>      |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ        | 61        |             | -                       | -                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>          | <b>70</b> |             | <b>4.255.541.249</b>    | <b>1.748.474.505</b>    |

Ngày 28 tháng 3 năm 2019



Người lập biểu


Diệp Thế Vinh  
Kế toán trưởng

Lê Tấn Tài  
Giám đốc

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ công ích Quận 12 (chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ và Phát triển đô thị Quận 12) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 5 vào ngày 24 tháng 05 năm 2018.

Công ty là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Vốn điều lệ đăng ký: 11.233.000.000 VND

Trụ sở chính: Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại thời điểm 31 tháng 12 2018

Số lượng nhân viên: 92

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ

##### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu bảo dưỡng và xây dựng, nâng cấp các công trình giao thông, công trình đô thị, công trình công cộng theo phân cấp quản lý (cầu đường, vỉa hè, thoát nước, chiếu sáng công cộng, thu gom các nguồn rác, công viên cây xanh);

- Quản lý, cho thuê, sửa chữa, cải tạo nâng cấp nhà. Tham gia giải tỏa, di dời và xây dựng bố trí tái định cư. Hoạt động kinh doanh khác: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ (công trình giao thông, công trình đô thị, nhà ở) theo hợp đồng kinh tế với khách hàng (sau khi có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định);

- Kinh doanh nhà ở. San lấp mặt bằng các công trình. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, dịch vụ hoa kiểng. Dịch vụ thương mại. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng các khu đô thị và khu công nghiệp. Tư vấn đầu tư và quản lý các dự án đầu tư. Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa, hướng dẫn du lịch, vận chuyển khách du lịch, tổ chức hội nghị khách hàng, sửa chữa các loại phương tiện vận tải và máy xây dựng. Tư vấn thiết kế xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng. Thi công các công trình thủy lợi, cầu cảng; chế tạo, lắp đặt thiết bị kết cấu thép, điện chiếu sáng, xử lý nước thải. Mua bán máy móc, thiết bị ngành xây dựng và dụng cụ, phụ tùng các loại. Khai thác và kinh doanh nước sạch. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại TP.HCM);

- Thu gom vận chuyển chất thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở);

- Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu - đường bộ). Thẩm tra kiến trúc công trình; thẩm tra thiết kế công trình dân dụng; Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu - đường bộ). Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công trình giao thông cầu, đường bộ; Giám sát hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước). Khảo sát địa hình xây dựng công trình. Thiết kế nội - ngoại thất công trình. Thiết kế quy hoạch xây dựng. Thẩm tra thiết kế nội - ngoại thất công trình.

- Hoạt động của các căn tin;

- Dịch vụ mai táng, bốc mộ.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính.

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo nguyên tắc giá gốc và cơ sở dồn tích.

##### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành.

Các nguyên tắc và thực hành kế toán áp dụng tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

##### 2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

##### a. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

##### b. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 20 năm |
| - Máy móc thiết bị                | 02 - 04 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 năm      |

#### 5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

##### a. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

##### b. Chi phí khác

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

#### 6. Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải trả.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp bằng tiền của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực góp.

#### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### a. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp, hoặc doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày

Công ty đang ghi nhận doanh thu vận chuyển rác theo đơn giá tạm tính của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Doanh thu có thể được điều chỉnh khi có quyết định đơn giá chính thức của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

##### b. Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 9. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm các chi phí trực tiếp thuộc về các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán được trong năm tài chính. Giá vốn hàng bán cũng bao gồm các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hao hụt mất mát hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ.

#### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

|   | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|---|------------------------------|------------------------------|
|   | <u>Cuối năm</u>              | <u>Đầu năm</u>               |
| <b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>                              |                              |                              |
| Tiền mặt tại quỹ  | 204.357.982                  | 2.487.733                    |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn   | 4.051.183.267                | 1.250.986.772                |
| Các khoản tương đương tiền  | -                            | 495.000.000                  |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b><u>4.255.541.249</u></b>  | <b><u>1.748.474.505</u></b>  |
| <b>2. Phải thu của khách hàng</b>   |                              |                              |
| <b>Ngắn hạn</b>   |                              |                              |
| Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị thành phố Hồ Chí Minh (Vận chuyển rác) | 10.095.582.658               | 26.351.228.433               |
| Các khoản khác  | 6.270.815.619                | 6.671.034.006                |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b><u>16.366.398.277</u></b> | <b><u>33.022.262.439</u></b> |
| <b>3. Phải thu khác</b>   |                              |                              |
| <b>a. Ngắn hạn</b>  |                              |                              |
| Chi hộ dự án tái định cư Quận 12  | 36.365.583.007               | 51.584.507.430               |
| Tạm ứng   | -                            | 2.000.000                    |
| Phải thu khác   | 105.896.386                  | 105.115.443                  |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b><u>36.471.479.393</u></b> | <b><u>51.691.622.873</u></b> |
| <b>b. Dài hạn</b>   |                              |                              |
| Ký quỹ, ký cược   | 4.208.145.480                | 858.432.000                  |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b><u>4.208.145.480</u></b>  | <b><u>858.432.000</u></b>    |
| <b>4. Hàng tồn kho</b>  |                              |                              |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang                                       | 15.368.365.970               | 14.306.040.496               |
| Hàng hóa  | 299.272.339                  | 299.272.339                  |
| <b>Tổng cộng</b>  | <b><u>15.667.638.309</u></b> | <b><u>14.605.312.835</u></b> |

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Mẫu số B09-DN***(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

| 5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình                            |                        |                   |                                 |                |  |
|---|------------------------|-------------------|---------------------------------|----------------|--|
| Khoản mục   | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Tổng cộng      |  |
| <b>Nguyên giá</b>   |                        |                   |                                 |                |  |
| Số dư đầu năm   | 3.796.566.488          | 460.729.536       | 26.008.552.944                  | 30.265.848.968 |  |
| - Mua trong năm   | -                      | -                 | -                               | -              |  |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành  | -                      | -                 | -                               | -              |  |
| - Thanh lý, nhượng bán  | -                      | -                 | -                               | -              |  |
| Số dư cuối năm  | 3.796.566.488          | 460.729.536       | 26.008.552.944                  | 30.265.848.968 |  |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>                                     |                        |                   |                                 |                |  |
| Số dư đầu năm   | 3.594.517.777          | 460.729.536       | 17.618.441.059                  | 21.673.688.372 |  |
| - Khấu hao trong năm  | 90.435.700             | -                 | 2.862.724.650                   | 2.953.160.350  |  |
| - Thanh lý, nhượng bán  | -                      | -                 | -                               | -              |  |
| Số dư cuối năm  | 3.684.953.477          | 460.729.536       | 20.481.165.709                  | 24.626.848.722 |  |
| <b>Giá trị còn lại</b>  |                        |                   |                                 |                |  |
| - Tại ngày đầu năm  | 202.048.711            | -                 | 8.390.111.885                   | 8.592.160.596  |  |
| - Tại ngày cuối năm   | 111.613.011            | -                 | 5.527.387.235                   | 5.639.000.246  |  |
| Nguyên giá TSCĐ HH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng cuối năm |                        |                   | 14.808.214.128                  | VND            |  |

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN  
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### 6. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

|                                | Đầu năm          |                      | Phát sinh trong năm  |                      | Cuối năm          |                      |
|--------------------------------|------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-------------------|----------------------|
|                                | Số phải thu      | Số phải nộp          | Phát sinh tăng       | Phát sinh giảm       | Số phải thu       | Số phải nộp          |
| Thuế giá trị gia tăng          | -                | 2.628.114.711        | 3.474.697.523        | 5.407.804.046        | -                 | 695.008.188          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (*) | -                | 878.819.041          | -                    | 347.601.819          | -                 | 531.217.222          |
| Thuế TNCN từ tiền lương        | -                | 65.003.469           | 45.620.375           | -                    | -                 | 110.623.844          |
| Thuế TNCN từ đầu tư vốn        | 9.104.485        | -                    | 7.697.697            | 9.468.712            | 10.875.500        | -                    |
| Các loại thuế khác             | -                | 78.271.472           | -                    | -                    | -                 | 78.271.472           |
| Các khoản phải nộp khác (**)   | -                | 3.550.591.010        | 1.038.135.256        | 2.541.444.602        | -                 | 2.047.281.664        |
| <b>Tổng cộng</b>               | <b>9.104.485</b> | <b>7.200.799.703</b> | <b>4.566.150.851</b> | <b>8.306.319.179</b> | <b>10.875.500</b> | <b>3.462.402.390</b> |

(\*) Xem chi tiết tại thuyết minh VI.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

(\*\*) Các khoản thuế phải nộp khác là tiền thuế đất thu hộ phải nộp cho ngân hàng nhà nước.

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Mẫu số B09-DN***(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

|  | <u>Cuối năm</u>              | <u>Đầu năm</u>               |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <b>7. Phải trả người bán</b>                             |                              |                              |
| <b>Ngắn hạn</b>  |                              |                              |
| Phí vận chuyển rác                                       | 10.279.791.400               | 6.687.287.593                |
| Phải trả khác  | 6.010.096.038                | 4.943.894.446                |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>16.289.887.438</u></b> | <b><u>11.631.182.039</u></b> |
| <b>8. Phải trả khác</b>                                  |                              |                              |
| <b>Ngắn hạn</b>  |                              |                              |
| Kinh phí công đoàn                                       | 299.108.051                  | 144.104.816                  |
| Bảo hiểm xã hội  | 461.092.231                  | 351.258.950                  |
| Bảo hiểm y tế  | 57.728.027                   | 60.337.620                   |
| Bảo hiểm thất nghiệp                                     | 17.886.844                   | 20.112.540                   |
| Thu hộ dự án tái định cư Quận 12                         | 42.487.829.670               | 54.723.144.856               |
| Phải trả khác  | 526.685.200                  | 110.746.375                  |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>43.850.330.023</u></b> | <b><u>55.409.705.157</u></b> |
| <b>9. Vay</b>  |                              |                              |
| <b>a. Ngắn hạn</b>                                       |                              |                              |
| Vay ngân hàng (*)  | -                            | 11.072.606.708               |
| Vay tổ chức, cá nhân khác (**)                           | 1.388.000.000                | 2.082.220.000                |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>1.388.000.000</u></b>  | <b><u>13.154.826.708</u></b> |
| (*) chi tiết vay ngân hàng:                              | <b>Hạn mức</b>               |                              |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam | 7.450.000.000                | -                            |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam                    | 10.000.000.000               | -                            |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>-</u></b>              | <b><u>11.072.606.708</u></b> |
| (**) chi tiết vay tổ chức, cá nhân khác:                 |                              |                              |
| - Hợp tác xã TMDV Đông Thạnh                             | -                            | 1.000.000.000                |
| - Vay cá nhân khác                                       | 1.388.000.000                | 1.082.220.000                |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>1.388.000.000</u></b>  | <b><u>2.082.220.000</u></b>  |
| <b>b. Dài hạn</b>  |                              |                              |
| Vay ngân hàng (***)                                      | -                            | 3.105.000.000                |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>-</u></b>              | <b><u>3.105.000.000</u></b>  |
| (***) chi tiết vay ngân hàng:                            |                              |                              |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam | -                            | 3.105.000.000                |
| <b>10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>                     |                              |                              |
| <b>Số dư đầu năm</b>                                     | <b><u>1.094.237.486</u></b>  | <b><u>2.659.397.437</u></b>  |
| Trích lập trong năm                                      |                              | 1.315.587.675                |
| Chi quỹ trong năm  | (247.414.000)                | (2.880.747.626)              |
| <b>Số dư cuối năm</b>                                    | <b><u>846.823.486</u></b>    | <b><u>1.094.237.486</u></b>  |

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12**

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**11. Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động của vốn chủ sở hữu**

|                            | Vốn góp của chủ sở hữu | Quý đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng             |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| <b>Số dư đầu năm trước</b> | <b>11.233.000.000</b>  | <b>3.208.768.589</b>  | -                                 | <b>14.441.768.589</b> |
| Lãi trong năm              | -                      | -                     | 1.315.587.675                     | 1.315.587.675         |
| Trích các quỹ trong năm    | -                      | -                     | (1.315.587.675)                   | (1.315.587.675)       |
| <b>Số dư đầu năm nay</b>   | <b>11.233.000.000</b>  | <b>3.208.768.589</b>  | -                                 | <b>14.441.768.589</b> |
| Lỗ trong năm               |                        |                       | (4.106.549.564)                   | (4.106.549.564)       |
| Trích các quỹ trong năm    |                        |                       | -                                 | -                     |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>  | <b>11.233.000.000</b>  | <b>3.208.768.589</b>  | <b>(4.106.549.564)</b>            | <b>10.335.219.025</b> |

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

**Tổng cộng**

|  | Cuối năm              | Đầu năm               |
|--|-----------------------|-----------------------|
|  | 11.233.000.000        | 11.233.000.000        |
|  | <b>11.233.000.000</b> | <b>11.233.000.000</b> |

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

|  | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|--|------------------------------|------------------------------|
|  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| <b>1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>                                  |                              |                              |
| <b>Doanh thu</b>   |                              |                              |
| Doanh thu công trình (công ích)  | 10.911.023.235               | 18.178.448.202               |
| Doanh thu vận chuyển rác (công ích)  | 13.627.556.291               | 31.287.225.760               |
| Doanh thu chăm sóc cây xanh (công ích) (*)   | (2.388.319)                  | 4.967.855.680                |
| Doanh thu quét rác đường   | 7.744.246.556                | 8.343.881.818                |
| Doanh thu cho thuê nhà, đất công sản   | 1.138.236.367                | 1.263.136.360                |
| Doanh thu hoạt động khác   | 1.328.301.196                | 3.124.402.447                |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>34.746.975.326</u></b> | <b><u>67.164.950.267</u></b> |
| <p>(*) Do điều chỉnh giảm doanh thu của năm 2017 theo số quyết toán với khách hàng</p> |                              |                              |
| <b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Giảm giá hàng bán  | -                            | 288.358.250                  |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>-</u></b>              | <b><u>288.358.250</u></b>    |
| <b>3. Giá vốn hàng bán</b>   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Giá vốn công trình (công ích)  | 10.423.356.133               | 17.623.882.779               |
| Giá vốn vận chuyển rác (công ích)  | 15.539.040.082               | 15.947.914.902               |
| Giá vốn chăm sóc cây xanh (công ích)   | 573.231.000                  | 4.917.991.606                |
| Giá vốn quét rác đường   | 2.181.615.866                | 8.901.873.867                |
| Giá vốn cho thuê nhà, đất công sản   | 1.138.236.367                | 1.263.136.360                |
| Giá vốn hoạt động khác   | 1.892.886.248                | 4.225.456.762                |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>31.748.365.696</u></b> | <b><u>52.880.256.276</u></b> |
| <b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Lãi tiền gửi   | 15.637.471                   | 109.097.473                  |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>15.637.471</u></b>     | <b><u>109.097.473</u></b>    |
| <b>5. Chi phí tài chính</b>  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Chi phí lãi vay  | 1.117.380.707                | 1.450.922.639                |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>1.117.380.707</u></b>  | <b><u>1.450.922.639</u></b>  |
| <b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>   | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
| Chi phí lương  | 3.722.347.282                | 7.569.133.340                |
| Chi phí đồ dùng văn phòng  | 20.576.265                   | 71.279.087                   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định   | 196.285.952                  | 518.226.799                  |
| Thuế, phí và lệ phí  | 3.000.000                    | 406.915.113                  |
| Chi phí dự phòng   | 1.248.875.026                | -                            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài  | 666.191.054                  | 1.781.898.992                |
| Chi phí bằng tiền khác   | 163.841.760                  | 623.972.886                  |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b><u>6.021.117.339</u></b>  | <b><u>10.971.426.217</u></b> |

## CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12

Số 327 Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được ước tính như sau:

|                                      | Năm nay                | Năm trước            |
|--------------------------------------|------------------------|----------------------|
| Lợi nhuận trước thuế                 | <b>(4.106.549.564)</b> | <b>1.663.189.494</b> |
| Các khoản chi phí không được trừ     | -                      | 74.819.600           |
| Lợi nhuận chịu thuế ước tính         | <b>(4.106.549.564)</b> | <b>1.738.009.094</b> |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20%                    | 20%                  |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính | -                      | <b>347.601.819</b>   |

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Theo báo cáo phân tích, đánh giá tình hình các khoản nợ của Công ty tại ngày 11 tháng 06 năm 2018, Ủy ban Nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty hoàn trả ngân sách nhà nước số tiền thu hồi từ sản phẩm công ích năm 2012 và 2015 với số tiền lần lượt là 5.828.649.701 đồng và 3.165.939.729 đồng. Bên cạnh đó, Công ty phải nộp lại ngân sách Thành phố khoản lợi nhuận còn lại năm 2015-2016 với số tiền là 2.051.554.571 đồng.

Ngoài ra, theo thông báo số 95749/TB-07-CCT ngày 15 tháng 03 năm 2019, Chi Cục thuế Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Công ty nộp ngân sách nhà nước số tiền thuê đất và tiền phạt chậm nộp tiền thuê đất với số tiền là 1.397.629.807.

##### 2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2018 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Diệp Thế Vinh  
Kế toán trưởng

Lê Tấn Tài  
Giám đốc